

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST

Ngày: 25-11-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây viết là Ngân hàng).

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh Quảng Ngãi (Theo Văn bản ủy quyền số 636/UQ-VCB-PC ngày 15/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần N).

Ông Võ Văn L ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Thu T - Trưởng phòng giao dịch Hùng Vương Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi, (Theo văn bản ủy quyền số 202/UQ-QNG-HCNS ngày 15/10/2021); có mặt.

Địa chỉ liên hệ: 345 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh V, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1985; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã K, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 -5-2021, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày:

- Vào ngày 16/12/2016, ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X có ký Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV với Ngân hàng vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là: Bù đắp chi phí mua tàu cá, thời hạn vay là 60 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay trung hạn thương mại thủy sản theo thông báo trong từng thời kỳ. Bên cho vay được quyền thay đổi lãi suất 03 tháng/lần trong thời gian vay vốn. Lãi suất bên cho vay sẽ tự điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay mà không phải thông báo cho bên vay bằng văn bản.

Nợ gốc trả định kỳ 03 tháng/01 lần, lãi trả hàng tháng.

Ngày 19/12/2016, ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X đã nhận nợ số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 10,8%/năm.

Ngày 30/3/2017, ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 0770-01/HĐSD-HĐTD.HV sửa đổi điểm 6.1 Điều 6 về tài sản bảo đảm.

- Vào ngày 30/3/2017, ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X có ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNg-HV với Ngân hàng vay số tiền 2.500.000.000 đồng, mục đích vay là: Bỏ sung vốn nâng cấp tàu cá, thời hạn vay là 60 tháng.

Lãi suất cho vay được xác định và ghi trong giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Nợ gốc trả định kỳ 03 tháng/01 lần, lãi trả hàng tháng.

Ngày 30/3/2017, ông Lê Minh V nhận nợ số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất 10,8%/năm.

- Vào ngày 23/01/2018, ông Lê Minh V có ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV với Ngân hàng vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là: Bỏ sung vốn lưu động phục vụ khai thác thủy sản, thời hạn vay là 11 tháng;

Nợ gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng, ngày 23/01/2018, ông Lê Minh V nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 9,1%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên ông V, bà X đã thế chấp các tài sản: Quyền sử dụng đất đứng tên ông V và bà X tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0245/16/HĐTC.QNg-HV ngày 16/12/2016 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 646801, sổ vào sổ cấp GCN: CS03076 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03-12-2015 và chính lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Lê Minh V, CMND 212735417 và bà Phạm Thị Thanh X, CMND 212195547 địa chỉ tại xã K, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hồ sơ số 045179 CN 001./. và 02 tàu cá số đăng ký QNg-91978-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/17/HĐTC.QNg-HV ngày

30/3/2017 và tàu cá số QNg-91979-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 058/17/HĐTC.QNg-HV ngày 30/3/2017. Việc thế chấp đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng và ông V, bà X đã thỏa thuận xử lý xong tài sản thế chấp là 02 tàu cá tại 02 Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/17/HĐTC.QNg-HV và số 058/17/HĐTC.QNg-HV ngày 30/3/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình vay, ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời làm việc và đề nghị thanh toán khoản nợ vay của ông, bà cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông V, bà X vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 24/11/2021, ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X còn nợ Ngân hàng số tiền của các Hợp đồng tín dụng là: 2.070.238.148 đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.006.790.000 đồng, lãi trong hạn là 923.518.985 đồng, lãi quá hạn là 139.929.163 đồng; nợ gốc và lãi cụ thể của từng Hợp đồng như sau:

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV ngày 16/12/2016, nợ gốc đã trả xong vào ngày 06/3/2020 và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 199.503.475. Trong đó: nợ lãi trong hạn là 176.667.250 đồng, nợ lãi quá hạn 22.836.225 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV ngày 23/01/2018, nợ gốc đã trả xong vào ngày 06/3/2020 và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 119.297.260 đồng. Trong đó: nợ lãi trong hạn là 91.997.260 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.300.000 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017, tính đến ngày 24/11/2021 là 1.751.437.413 đồng. Trong đó nợ gốc: 1.006.790.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 654.854.475 đồng, nợ lãi quá hạn là 89.792.938 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X phải trả nợ số tiền nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng.

Ông V, bà X còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017 từ ngày 25/11/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông V, bà X không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0245/16/HĐTC.QNg-HV ngày 16/12/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông V, bà X phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại Bản tự khai ngày 21-6-2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X trình bày:

Vào các năm 2016, 2017 và 2018 vợ chồng ông, bà có vay của Ngân hàng TMCP N các Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV với Ngân hàng TMCP N vay với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV vay số tiền 2.500.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV vay số tiền 500.000.000 đồng như đại diện của Ngân hàng đã trình bày ở trên để làm ăn nhưng do làm ăn thất bại nên trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông, bà đã xử lý 02 tàu cá số đăng ký QNg-91978-TS và tàu cá số đăng ký QNg-91979-TS để trả nợ cho Ngân hàng nên vợ chồng ông bà đã trả được nợ gốc của 02 Hợp đồng tín dụng số 0770/16/NHNT.QNg-HV ngày 16/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số 0034/18/NHNT.QNg-HV ngày 23/01/2018 chỉ còn nợ lại tiền lãi.

Đối với Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017 thì tiền gốc còn nợ lại là 1.006.790.000 đồng và tiền lãi.

Tính đến ngày 24/11/2021, vợ chồng ông, bà thống nhất còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.006.790.000 đồng và tiền lãi.

Vợ chồng ông bà đồng ý trả tiền nợ gốc là: 1.006.790.000 đồng, còn tiền lãi đề nghị Ngân hàng miễn, giảm cho vợ chồng ông bà, vì hiện nay gia đình ông bà đang rất khó khăn.

Khi vay vợ chồng ông, bà còn thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0245/16/HĐTC.QNg-HV ngày 16/12/2016.

Nếu ông bà không trả nợ gốc thì đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý để trả nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Buộc ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền là 2.070.238.148 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.006.790.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 923.518.985 đồng, lãi quá hạn là 139.929.163 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Trường hợp ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Ngày 17-5-2021 Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông V, bà X là thôn C, xã K, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV ngày 16/12/2016, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV ngày 23/01/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh Quảng Ngãi với ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X, văn bản trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: vào các ngày 16/12/2016, ngày 30/3/2017 và ngày 23/01/2018 ông Lê Minh V và bà Phạm Thị Thanh X có vay của Ngân hàng tổng số tiền 4.000.000.000 đồng.

[2.2] Ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X đã nhận đủ số tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng nói trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng và ông V, bà X đã thống nhất thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp là 02 tàu cá để thu hồi nợ cho Ngân hàng, nên đến ngày 06/3/2020 ông V, bà X đã trả xong nợ gốc của Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV ngày 16/12/2016 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV ngày 23/01/2018. Từ ngày 06/3/2020 ông V, bà X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 24-11-2021, ông V, bà X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.070.238.148 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.006.790.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 923.518.985 đồng, lãi quá hạn là 139.929.163 đồng; nợ gốc và lãi cụ thể của từng Hợp đồng như sau:

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV ngày 16/12/2016, nợ gốc đã trả xong và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 199.503.475. Trong đó: nợ lãi trong hạn là 176.667.250 đồng, nợ lãi quá hạn 22.836.225 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV ngày 23/01/2018, nợ gốc đã trả xong và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 119.297.260 đồng. Trong đó: nợ lãi trong hạn là 91.997.260 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.300.000 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017, tính đến ngày 24/11/2021 là

1.751.437.413 đồng. Trong đó nợ gốc: 1.006.790.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 654.854.475 đồng, nợ lãi quá hạn là 89.792.938 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X đồng ý trả nợ gốc, đề nghị Ngân hàng miễn, giảm cho vợ chồng ông, bà tiền lãi vì hiện nay gia đình ông, bà rất khó khăn nhưng Ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Để bảo đảm cho các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng trên ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X đã thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất của ông V và bà X tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0245/16/HĐTC.QNg-HV ngày 16/12/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 646801, sổ vào sổ cấp GCN: CS03076 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03-12-2015 và chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Lê Minh V, CMND 212735417 và bà Phạm Thị Thanh X, CMND 212195547 địa chỉ tại xã K, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hồ sơ số 045179 CN 001./. và 02 tàu cá số đăng ký QNg-91978-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/17/HĐTC.QNg-HV ngày 30/3/2017 và tàu cá số QNg-91979-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 058/17/HĐTC.QNg-HV ngày 30/3/2017. Việc thế chấp đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng và ông V, bà X đã thỏa thuận xử lý xong tài sản thế chấp là 02 tàu cá tại 02 Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/17/HĐTC.QNg-HV và Hợp đồng thế chấp tài sản số 058/17/HĐTC.QNg-HV ngày 30/3/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nay không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với tài sản thế chấp là 02 tàu cá.

[3.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0245/16/HĐTC.QNg-HV ngày 16/12/2016 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện tài sản dùng để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 646801, sổ vào sổ cấp GCN: CS03076 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03-12-2015 và chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Lê Minh V, CMND 212735417 và bà Phạm Thị Thanh X, CMND 212195547 địa chỉ tại xã K, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hồ sơ số 045179 CN 001./..

Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, trường hợp ông V, bà X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân

sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đã nêu trên để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ thu hồi nợ thì ông V, bà X có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

[3.3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-6-2021 thì hiện nay tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q Ngãi vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bị đơn ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn ông V, bà X phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà ông V, bà X phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 ông V, bà X có đơn xin miễn, giảm án phí.

Xét thấy: Ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, được Ủy ban nhân dân xã Tịnh Khê xác nhận, căn cứ Điều 13, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho ông V, bà X.

Nên ông V, bà X còn phải chịu 36.702.382 đồng { [72.000.000.000đồng + (70.238.148 đồng x 2%)] : 2 } tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật dân sự; các Điều 167, Điều 168, khoản 2 Điều 170, Điều 179, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bị đơn ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền (tính đến ngày

24/11/2021) là 2.070.238.148 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 1.006.790.000 đồng (Một tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

- Nợ lãi trong hạn là 923.518.985 đồng (Chín trăm hai mươi ba triệu, năm trăm mười tám nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng).

- Nợ lãi quá hạn là 139.929.163 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng).

Trong đó nợ gốc và lãi cụ thể của từng Hợp đồng như sau:

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0770/16/NHNT.QNg-HV ngày 16/12/2016, nợ gốc đã trả xong và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 199.503.475 (Một trăm chín mươi chín triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: nợ lãi trong hạn là 176.667.250 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng), nợ lãi quá hạn 22.836.225 đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng).

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0034/18/NHNT.QNg-HV ngày 23/01/2018, nợ gốc đã trả xong và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2021 là 119.297.260 đồng (Một trăm mười chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng). Trong đó: nợ lãi trong hạn là 91.997.260 đồng (Chín mươi một triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 27.300.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm nghìn).

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017, tính đến ngày 24/11/2021 là 1.751.437.413 đồng (Một tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm mười ba đồng). Trong đó nợ gốc: 1.006.790.000 đồng (Một tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn), nợ lãi trong hạn là 654.854.475 đồng (Sáu trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 89.792.938 đồng (Tám mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng).

3. Ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/11/2021 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0168/17/NHNT.QNG-HV ngày 30/3/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

4. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30, diện tích 133,5m² tại xã K, thành phố Q, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0245/16/HĐTC.QNg-HV ngày 16/12/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 646801, sổ vào sổ cấp GCN: CS03076 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03-12-2015 và chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Lê Minh V, CMND

212735417 và bà Phạm Thị Thanh X, CMND 212195547 địa chỉ tại xã K, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hồ sơ số 045179 CN 001./. để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông V, bà X phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

5. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và đã chi phí xong. Nên buộc bị đơn ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh V, bà Phạm Thị Thanh X phải chịu 36.702.382 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 35.978.939 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007041 ngày 31-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Thị Kim Ân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

